

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 301

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở ven biển?

- A. Cần Thơ. B. Long Xuyên. C. Rạch Giá. D. Biên Hòa.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết thành phố nào sau đây là tỉnh lỵ của Phú Thọ?

- A. Phú Lý. B. Việt Trì. C. Hạ Long. D. Vĩnh Yên.

Câu 43: Hoạt động công nghiệp nào sau đây **không** phát triển ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Thủy điện. B. Điện mặt trời. C. Luyện kim. D. Khai thác dầu khí.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm ở cao nguyên Đắk Lắk?

- A. Braian. B. Nam Decbri. C. Lang Bian. D. Chư Pha.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trạm thủy văn Cần Thơ ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Thu Bồn. B. Sông Cửu Long. C. Sông Mã. D. Sông Đồng Nai.

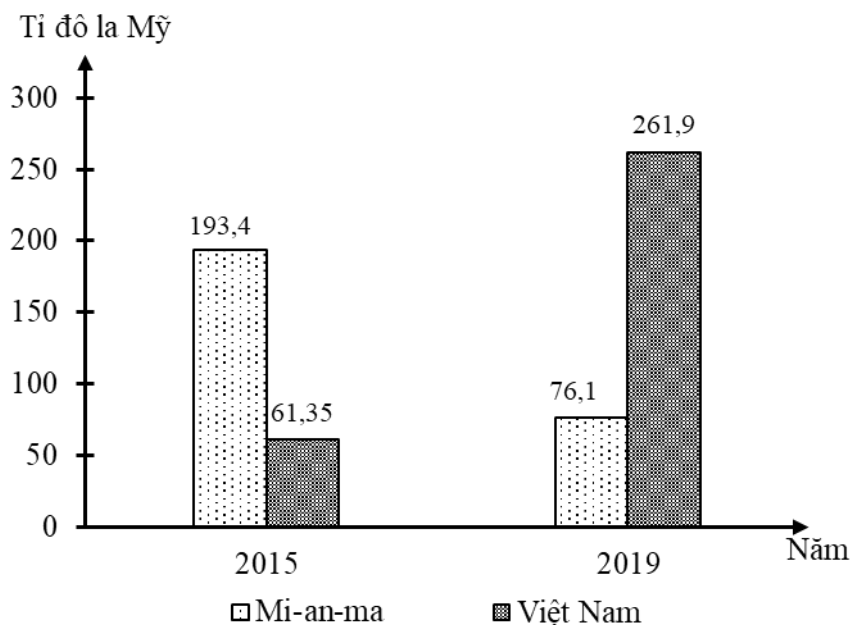
Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía bắc cảng Vũng Áng?

- A. Cửa Lò. B. Nhật Lệ. C. Thuận An. D. Cửa Gianh.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết khu kinh tế ven biển Dung Quất thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Phú Yên.

Câu 48: Cho biểu đồ:



GDP CỦA MI-AN-MA VÀ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ NĂM 2019

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi GDP năm 2019 so với năm 2015 của Mi-an-ma và Việt Nam?

- A. Việt Nam tăng nhanh hơn Mi-an-ma. B. Mi-an-ma giảm và Việt Nam tăng.
C. Việt Nam tăng ít hơn Mi-an-ma. D. Mi-an-ma tăng gấp hai lần Việt Nam.

Câu 49: Biện pháp bảo vệ vườn quốc gia ở nước ta là

- A. săn bắt thú rừng. B. khai thác gỗ quý. C. chống phá rừng. D. tăng xuất khẩu gỗ.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn trồng cây công nghiệp hàng năm trong số các tỉnh sau đây?

- A. Phú Yên. B. Nghệ An. C. Gia Lai. D. Hà Tĩnh.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Hoa Lư. B. Ba Vì. C. Cát Bà. D. Chùa Hương.

Câu 52: Cho bảng số liệu sau:

TỔNG DỰ TRỮ QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	Cam-pu-chia	Xin-ga-po	Bru-nây	In-đô-nê-xi-a
2015	6 883	247 534	3 211	103 268
2019	17 033	279 240	4 052	125 339

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng dự trữ quốc tế của một số quốc gia năm 2019 với năm 2015?

- A. In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Cam-pu-chia. B. Bru-nây tăng nhanh hơn Cam-pu-chia.

- C. Xin-ga-po tăng nhanh hơn Bru-nây. D. Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Xin-ga-po.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất nhỏ nhất trong số các trung tâm sau đây?

- A. Sóc Trăng. B. Vũng Tàu. C. Biên Hòa. D. Thủ Dầu Một.

Câu 54: Đông Nam Bộ phát triển mạnh cây

- A. dược liệu. B. dừa. C. lúa gạo. D. điều.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có cả khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển?

- A. An Giang. B. Đồng Tháp. C. Kiên Giang. D. Tây Ninh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Lâm Đồng?

- A. Gia Nghĩa. B. Pleiku. C. Kon Tum. D. Đà Lạt.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào có công suất lớn nhất trong số các nhà máy sau đây?

- A. Uông Bí. B. Hòa Bình. C. Na Dương. D. Nậm Mu.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 24 và 14 gặp nhau ở địa điểm nào sau đây?

- A. Pleiku. B. Gia Nghĩa. C. Kon Tum. D. Buôn Ma Thuột.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

- A. Thái Nguyên. B. Việt Trì. C. Hải Phòng. D. Bắc Ninh.

Câu 60: Công nghiệp nước ta hiện nay

- A. rất hiện đại. B. phân bố đồng đều. C. chỉ xuất khẩu. D. có nhiều ngành.

Câu 61: Biện pháp hạn chế thiệt hại do bão gây ra ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. xây hồ thủy điện. B. sơ tán dân. C. mở rộng đô thị. D. chống hạn mặn.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII thấp nhất?

- A. Cà Mau. B. Lạng Sơn. C. Thanh Hóa. D. Sa Pa.

Câu 63: Các đảo ven bờ nước ta

- A. đều có khu bảo tồn thiên nhiên. B. có khả năng nuôi trồng thủy sản.

- C. tập trung phát triển khai khoáng. D. có nhiều thuận lợi trồng lúa gạo.

Câu 64: Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

- A. phù hợp hơn với yêu cầu thị trường. B. ưu tiên đầu tư cho các vùng núi cao.

- C. tăng tỉ trọng các ngành khai khoáng. D. chỉ tập trung tiêu dùng ở trong nước.

Câu 65: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. hầu hết đi theo hướng đông-tây. B. đã hội nhập các tuyến xuyên Á.

- C. đã nối liền các đảo lớn với nhau. D. phân bố đồng đều giữa các vùng.

Câu 66: Nước ta nằm ở

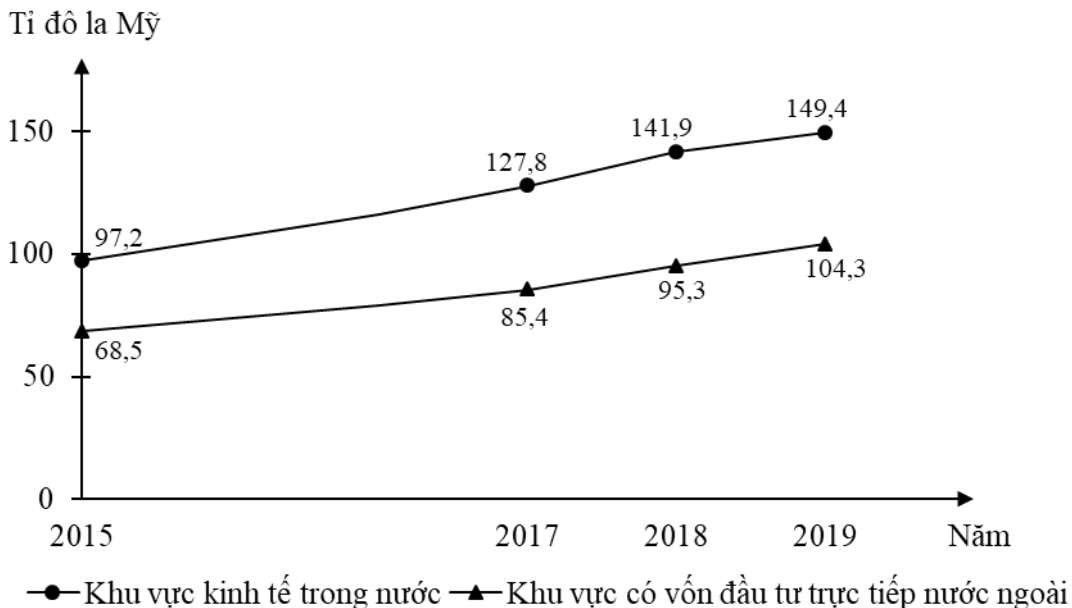
- A. khu vực phía tây Ấn Độ Dương. B. rìa phía đông Thái Bình Dương.

- C. phía nam khu vực Đông Nam Á. D. rìa đông bán đảo Đông Dương.

Câu 67: Đô thị nước ta hiện nay

- A. có nhiều lao động kỹ thuật. B. hầu hết tập trung ở đồi núi.

- C. có mật độ dân cư thưa thớt.
- Câu 68:** Thuận lợi chủ yếu của nước ta về tự nhiên để phát triển nuôi trồng hải sản là
- A. có nhiều sông suối và các hồ rộng.
B. nhiều cửa sông rộng và ở gần nhau.
C. nhiều đầm phá, ô trũng ở đồng bằng.
D. có vịnh, bãi triều và rừng ngập mặn.
- Câu 69:** Sản xuất lúa gạo ở nước ta hiện nay
- A. chỉ phục vụ nhu cầu ở trong nước.
B. phát triển theo xu hướng hàng hóa.
C. chỉ tập trung ở khu vực đồng bằng.
D. hoàn toàn theo hình thức gia đình.
- Câu 70:** Lao động nước ta hiện nay
- A. tập trung chủ yếu ở thành thị.
B. có tác phong công nghiệp cao.
C. làm nhiều nghề, số lượng nhỏ.
D. có số lượng đông, tăng nhanh.
- Câu 71:** Các nhân tố tự nhiên chủ yếu tác động đến thay đổi phân bố cây trồng hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. ít phù sa bồi đắp, bờ sông sạt lở, lũ thất thường.
B. mùa khô rõ rệt, hạn mặn nhiều, đất phèn rộng.
C. hạn hán, thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn rộng.
D. bề mặt sụt lún, nước biển dâng, sạt lở bờ biển.
- Câu 72:** Biện pháp chủ yếu phát triển dịch vụ tiêu dùng ở Đồng bằng Sông Hồng là
- A. tăng sản xuất hàng hóa, nâng cao mức sống.
B. mở rộng đô thị, hoàn thiện các cơ sở hạ tầng.
C. đa dạng ngành sản xuất, mở rộng thị trường.
D. thúc đẩy sản xuất, mở rộng hội nhập quốc tế.
- Câu 73:** Khai thác hải sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển dựa trên cơ sở chủ yếu là
- A. vùng biển rộng, có các quần đảo xa bờ.
B. biển giàu sinh vật, có các ngư trường lớn.
C. nhiều cảng cá, hoạt động dịch vụ sôi động.
D. các tỉnh đều giáp biển, lao động đông đảo.
- Câu 74:** Khách du lịch quốc tế đến nước ta hiện nay nhiều chủ yếu do
- A. người dân hiếu khách, môi trường thân thiện.
B. hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.
C. sản phẩm du lịch hấp dẫn, chính sách đổi mới.
D. dịch vụ thuận tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
- Câu 75:** Cho biểu đồ về nhập khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2015-2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trị giá nhập khẩu.
B. Quy mô và cơ cấu trị giá nhập khẩu.
C. Chuyển dịch cơ cấu trị giá nhập khẩu.
D. Quy mô trị giá nhập khẩu.
- Câu 76:** Đại nhiệt đới gió mùa ở nước ta có nhiều đất feralit chủ yếu do
- A. đồi núi đa dạng, có đá mẹ axit, khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.
B. mưa nhiều, nhiệt ẩm cao, nhiều đá mẹ axit ở đồi núi rộng.
C. đồi núi thấp rộng, nhiệt độ trung bình năm cao, mưa nhiều.
D. có nhiều đá khác nhau, hai mùa mưa và khô, nhiệt độ cao.
- Câu 77:** Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015-2019

Năm	2015	2017	2018	2019
Ô tô	2 990,2	2 261,9	1 834,8	3 168,8
Xăng, dầu	5 522,7	7 105,6	7 875,9	6 344,0

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 -2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Đường. D. Cột.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. lập các trang trại, mở rộng liên kết sản xuất, sử dụng các kỹ thuật tiên tiến.
B. gắn với chế biến và dịch vụ, sản xuất chuyên canh, sử dụng kỹ thuật mới.
C. tăng diện tích đất, phát triển thị trường, đa dạng hóa cây trồng và vật nuôi.
D. quan tâm sản xuất theo nông hộ, sản xuất thâm canh, nâng cao sản lượng.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu để tăng rừng đặc dụng ở Tây Nguyên là

- A. trồng rừng mới, đẩy mạnh khoanh nuôi. B. bảo vệ rừng, giao đất, giao rừng cho dân.
C. phòng chống cháy rừng, đốt cây làm rẫy. D. lập vườn quốc gia, ngăn chặn phá rừng.

Câu 80: Phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế, tạo cảnh quan mới.
B. nâng cao mức sống, tăng trưởng kinh tế, phát huy thế mạnh.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, tăng thu nhập, bảo vệ môi trường.
D. đổi mới phân bố sản xuất, khai thác tiềm năng, tạo việc làm.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.

- Không được sử dụng tài liệu, không trao đổi khi làm bài.

ĐÁP ÁN

41. C	42. B	43. D	44. D	45. B	46. A	47. A	48. A	49. C	50. C
51. C	52. D	53. A	54. D	55. C	56. D	57. B	58. C	59. C	60. D
61. B	62. A	63. B	64. A	65. B	66. D	67. A	68. D	69. B	70. D
71. C	72. A	73. B	74. C	75. D	76. B	77. C	78. B	79. D	80. B

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 302

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Cho bảng số liệu:

TỔNG DỰ TRỮ QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	Ma-lai-xi-a	Xin-ga-po	Việt Nam	Lào
2015	93 979	247 534	28 250	1 058
2019	101 726	279 240	78 335	1 068

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng dự trữ quốc tế của một số quốc gia năm 2019 với năm 2015?

- A. Lào tăng nhanh hơn Xin-ga-po. B. Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn Việt Nam.
C. Việt Nam tăng chậm hơn Lào. D. Xin-ga-po tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 42: Biện pháp bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên ở nước ta là

- A. chống phá rừng. B. khai thác gỗ quý. C. săn bắt thú rừng. D. chế biến gỗ.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

- A. Việt Trì. B. Hạ Long. C. Thái Nguyên. D. Phúc Yên.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn trồng cây công nghiệp hàng năm trong số các tỉnh sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Lâm Đồng. C. Thanh Hóa. D. Nghệ An.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết thành phố nào sau đây là tỉnh lỵ của Quảng Trị?

- A. Đồng Hới. B. Huế. C. Đông Hà. D. Vinh.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Tam Đảo. B. Bái Tử Long. C. Bát Tràng. D. Yên Tử.

Câu 47: Công nghiệp nước ta hiện nay

- A. chỉ có ở đồng bằng. B. đa dạng sản phẩm. C. chỉ có khai thác. D. rất ít ngành.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Phú Yên?

- A. Nha Trang. B. Gia Nghĩa. C. Quy Nhơn. D. Tuy Hòa.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở ven biển?

- A. Vũng Tàu. B. Long Xuyên. C. Biên Hòa. D. Cần Thơ.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có cả khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển?

- A. Cao Bằng. B. Quảng Ninh. C. Lào Cai. D. Lạng Sơn.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm ở cao nguyên Lâm Viên?

- A. Chư Pha. B. Nam Decbri. C. Ngọc Linh. D. Lang Bian.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có độ chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII cao nhất?

- A. Cần Thơ. B. Đà Lạt. C. Sa Pa. D. Cà Mau.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Quảng Nam.

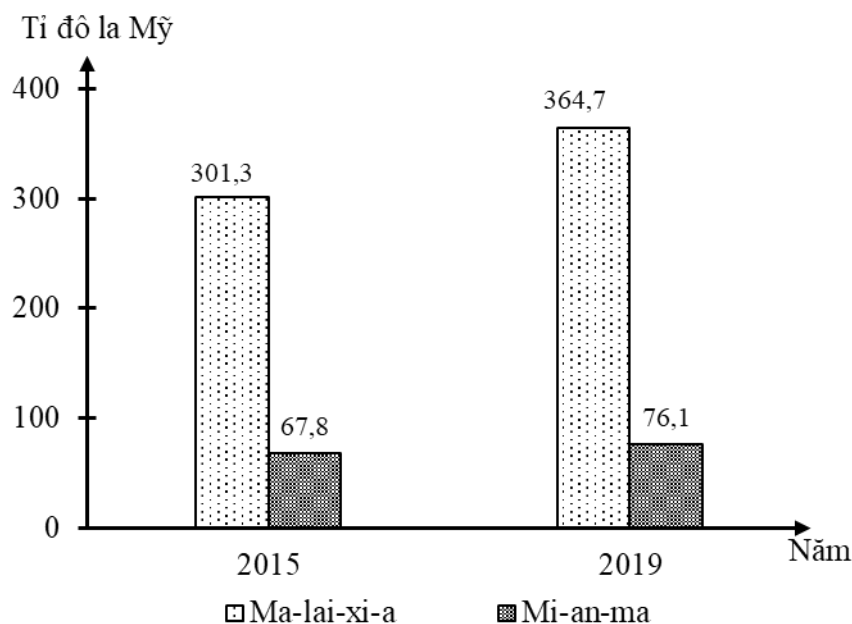
Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất nhỏ nhất trong số các trung tâm sau đây?

- A. Thủ Dầu Một. B. Đà Nẵng. C. Vũng Tàu. D. Phan Thiết.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào có công suất lớn nhất trong số các nhà máy sau đây?

- A. Thủ Đức. B. Cà Mau. C. Bà Rịa. D. Trà Nóc.

Câu 56: Cho biểu đồ:

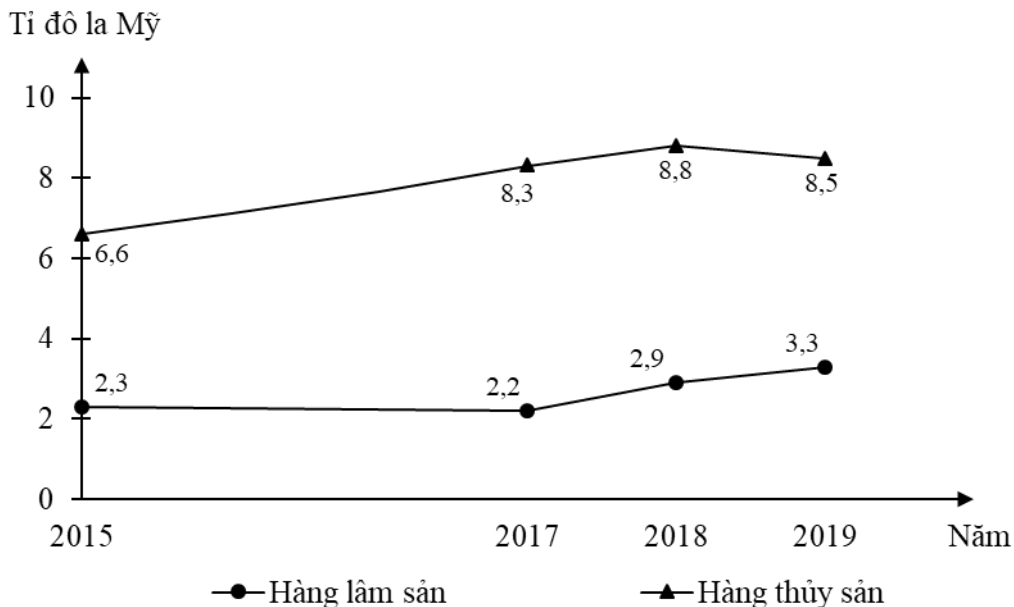


GDP CỦA MA-LAI-XI-A VÀ MI-AN-MA NĂM 2015 VÀ NĂM 2019

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi GDP năm 2019 so với năm 2015 của Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma?

- A. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a tăng và Mi-an-ma giảm.
C. Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Mi-an-ma. D. Mi-an-ma tăng gấp hai lần Ma-lai-xi-a.
- Câu 57:** Hoạt động công nghiệp nào sau đây **không** phát triển ở khu vực đồng bằng nước ta?
A. Điện mặt trời. B. Điện gió. C. Nhiệt điện. D. Thủy điện.
- Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 19 và 14 gặp nhau ở địa điểm nào sau đây?
A. Pleiku. B. Di Linh. C. Gia Nghĩa. D. Kon Tum.
- Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Nhật Lệ?
A. Thuận An. B. Cửa Lò. C. Cửa Gianh. D. Vũng Áng.
- Câu 60:** Biện pháp hạn chế thiệt hại do bão gây ra ở vùng núi nước ta là
A. phòng chống lũ quét. B. chống ngập mặn. C. đắp đê sông. D. củng cố đê biển.
- Câu 61:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trạm thủy văn Mỹ Thuận ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?
A. Sông Cả. B. Sông Cửu Long. C. Sông Mã. D. Sông Thu Bồn.
- Câu 62:** Đông Nam Bộ phát triển mạnh cây
A. lúa. B. dừa. C. dược liệu. D. cao su.
- Câu 63:** Đô thị nước ta hiện nay
A. có sức hút lớn đối với đầu tư. B. có trình độ phát triển hiện đại.
C. chỉ có lao động công nghiệp. D. đóng góp rất ít vào tổng GDP.
- Câu 64:** Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng
A. tăng tỉ trọng sản phẩm có giá trị cao. B. phân bố đồng đều tại khắp các vùng.
C. giảm tối đa sở hữu ngoài Nhà nước. D. tập trung nhiều cho việc khai khoáng.
- Câu 65:** Các đảo ven bờ nước ta
A. đều là nơi có các vườn quốc gia. B. đều tập trung khai thác dầu mỏ.
C. có tiềm năng phát triển du lịch. D. trồng rất nhiều cây công nghiệp.
- Câu 66:** Thuận lợi chủ yếu của nước ta về tự nhiên để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt là
A. có các vịnh biển và đảo ven bờ. B. nhiều bãi triều rộng và đầm phá.
C. mạng lưới sông dày và nhiều hồ. D. các cửa sông rộng và ở gần nhau.
- Câu 67:** Nước ta nằm ở
A. khu vực phía tây Ấn Độ Dương. B. phía đông của Thái Bình Dương.
C. rìa phía nam của vùng xích đạo. D. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- Câu 68:** Lao động nước ta hiện nay
A. hầu hết đều hoạt động dịch vụ. B. có số lượng đông, tăng chậm.
C. tăng rất nhanh, có trình độ cao. D. tập trung chủ yếu ở nông thôn.
- Câu 69:** Mạng lưới đường sắt nước ta
A. chạy qua nhiều trung tâm kinh tế. B. hiện nay đã đạt trình độ hiện đại.
C. phân bố đồng đều giữa các vùng. D. đã gắn kết các vùng núi với nhau.
- Câu 70:** Sản xuất lúa gạo ở nước ta hiện nay
A. chỉ dùng cho công nghiệp chế biến. B. hoàn toàn theo hình thức trang trại.
C. đã có được sản phẩm để xuất khẩu. D. phân bố rất đồng đều giữa các vùng.
- Câu 71:** Du lịch nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do
A. đổi mới chính sách, khai thác tốt tài nguyên. B. mức sống nâng cao, nhiều dịch vụ thuận tiện.
C. hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển. D. hoàn thiện hạ tầng, mở rộng nhiều thị trường.
- Câu 72:** Cho biểu đồ về xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta giai đoạn 2015-2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu trị giá xuất khẩu. B. Quy mô và cơ cấu trị giá xuất khẩu.
C. Quy mô trị giá xuất khẩu. D. Tốc độ tăng trị giá xuất khẩu.

Câu 73: Các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển do tác động chủ yếu của

- A. đổi mới chính sách, thu hút nhiều đầu tư. B. cơ sở hạ tầng nâng cấp, vị trí khá tiện lợi.
C. nguồn lao động đông, thị trường khá lớn. D. tài nguyên đa dạng, giao thông mở rộng.

Câu 74: Các nhân tố tự nhiên chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu cây trồng hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. sạt lở bờ biển, nước biển dâng, bề mặt sụt lún. B. đất phèn rộng, mùa khô rõ rệt, hạn mặn nhiều.
C. xâm nhập mặn rộng, hạn hán, thiếu nước ngọt. D. lũ thất thường, bờ sông sạt lở, ít phù sa bồi đắp.

Câu 75: Biện pháp chủ yếu để tăng diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

- A. khai thác hợp lý, phòng chống cháy rừng. B. đẩy mạnh khoanh nuôi, trồng rừng mới.
C. giao đất, giao rừng cho dân, bảo vệ rừng. D. ngăn chặn nạn phá rừng, đốt cây làm rẫy.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. tăng cường khai thác ven bờ, nuôi tôm trên cát, thúc đẩy liên kết sản xuất.
B. mở rộng ngư trường đánh bắt, thúc đẩy nuôi tôm, hiện đại hóa tàu thuyền.
C. bền vững nguồn lợi thủy sản, đẩy mạnh nuôi trồng, tìm các ngư trường mới.
D. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, mở rộng nuôi trồng, gắn sản xuất với chế biến.

Câu 77: Vùng đồi núi thấp nước ta có nhiều đất feralit chủ yếu do

- A. có đá mẹ axit ở phạm vi rộng lớn, nhiệt ẩm cao, mưa nhiều.
B. diện tích rộng lớn, nhiệt độ trung bình năm cao, mưa nhiều.
C. nhiều cao nguyên, khí hậu nhiệt đới gió mùa, có đá mẹ axit
D. có hai mùa mưa và khô, nhiệt ẩm cao, nhiều đá khác nhau.

Câu 78: Phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. đổi mới phân bố sản xuất, khai thác hợp lý biển, tạo việc làm.
B. sử dụng đa dạng nguồn lợi tăng thu nhập, bảo vệ môi trường.
C. tăng trưởng kinh tế, phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống.
D. thay đổi cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế, phát triển ven biển.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu phát triển dịch vụ ở Đồng bằng Sông Hồng là

- A. mở rộng liên kết các nước, đa dạng sản xuất. B. đào tạo lao động, sử dụng hiệu quả thế mạnh.
C. tăng sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh đô thị hóa. D. mở rộng các ngành, tăng cường hiện đại hóa.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015-2019

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2015	2017	2018	2019
Dầu thô	83,4	476,5	2 746,8	3 777,9
Hóa chất	3 133,6	4 122,9	5 164,7	5 128,5

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015-2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Tròn. C. Cột. D. Đường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.
- Không được sử dụng tài liệu, không trao đổi khi làm bài.

ĐÁP ÁN

41. B	42. A	43. B	44. B	45. C	46. B	47. B	48. D	49. A	50. B
51. D	52. C	53. D	54. D	55. B	56. C	57. D	58. A	59. A	60. A
61. B	62. D	63. A	64. A	65. C	66. C	67. D	68. D	69. A	70. C
71. A	72. C	73. A	74. C	75. D	76. D	77. A	78. B	79. C	80. D

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 303

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm ở cao nguyên Đắk Lắk?

- A. Nam Decbri. B. Chư Pha. C. Lang Bian. D. Braian.

Câu 42: Hoạt động công nghiệp nào sau đây **không** phát triển ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Điện mặt trời. B. Thủy điện. C. Luyện kim. D. Khai thác dầu khí.

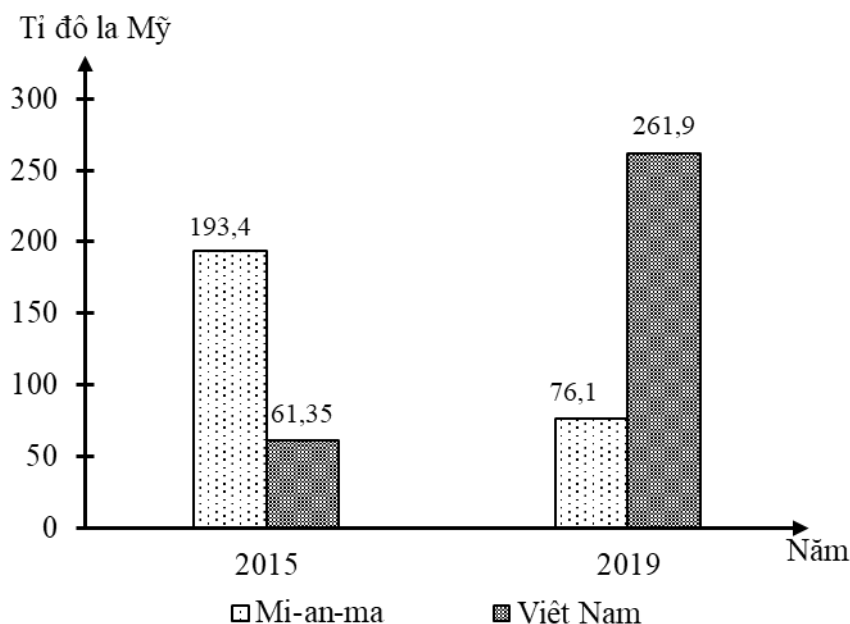
Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết khu kinh tế ven biển Dung Quất thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất nhỏ nhất trong số các trung tâm sau đây?

- A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. Sóc Trăng. D. Biên Hòa.

Câu 45: Cho biểu đồ:



GDP CỦA MI-AN-MA VÀ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ NĂM 2019

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi GDP năm 2019 so với năm 2015 của Mi-an-ma và Việt Nam?

- A. Việt Nam tăng nhanh hơn Mi-an-ma. B. Mi-an-ma tăng gấp hai lần Việt Nam.
C. Mi-an-ma giảm và Việt Nam tăng. D. Việt Nam tăng ít hơn Mi-an-ma.

Câu 46: Cho bảng số liệu sau:

TỔNG DỰ TRỮ QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	Cam-pu-chia	Xin-ga-po	Bru-nây	In-đô-nê-xi-a
2015	6 883	247 534	3 211	103 268
2019	17 033	279 240	4 052	125 339

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng dự trữ quốc tế của một số quốc gia năm 2019 với năm 2015?

- A. Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Xin-ga-po. B. In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Cam-pu-chia.
C. Bru-nây tăng nhanh hơn Cam-pu-chia. D. Xin-ga-po tăng nhanh hơn Bru-nây.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Ba Vì. B. Hoa Lư. C. Chùa Hương. D. Cát Bà.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn trồng cây công nghiệp hàng năm trong số các tỉnh sau đây?

- A. Nghệ An. B. Gia Lai. C. Phú Yên. D. Hà Tĩnh.

Câu 49: Công nghiệp nước ta hiện nay

- A. phân bố đồng đều. B. rất hiện đại. C. chỉ xuất khẩu. D. có nhiều ngành.

Câu 50: Đông Nam Bộ phát triển mạnh cây

- A. điều. B. lúa gạo. C. dược liệu. D. dừa.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào có công suất lớn nhất trong số các nhà máy sau đây?

- A. Uông Bí. B. Hòa Bình. C. Na Dương. D. Nậm Mu.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Lâm Đồng?

- A. Pleiku. B. Đà Lạt. C. Gia Nghĩa. D. Kon Tum.

Câu 53: Biện pháp hạn chế thiệt hại do bão gây ra ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. mở rộng đô thị. B. xây hồ thủy điện. C. chống hạn mặn. D. sơ tán dân.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có cả khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển?

- A. An Giang. B. Đồng Tháp. C. Kiên Giang. D. Tây Ninh.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía bắc cảng Vũng Áng?

- A. Cửa Gianh. B. Nhật Lệ. C. Cửa Lò. D. Thuận An.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 24 và 14 gặp nhau ở địa điểm nào sau đây?

- A. Buôn Ma Thuột. B. Kon Tum. C. Pleiku. D. Gia Nghĩa.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trạm thủy văn Cần Thơ ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Mã. B. Sông Cửu Long. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Đồng Nai.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

- A. Hải Phòng. B. Thái Nguyên. C. Việt Trì. D. Bắc Ninh.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết thành phố nào sau đây là tỉnh lỵ của Phú Thọ?

- A. Phú Lý. B. Hạ Long. C. Vĩnh Yên. D. Việt Trì.

Câu 60: Biện pháp bảo vệ vườn quốc gia ở nước ta là

- A. tăng xuất khẩu gỗ. B. khai thác gỗ quý. C. săn bắt thú rừng. D. chống phá rừng.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII thấp nhất.

- A. Thanh Hóa. B. Lạng Sơn. C. Cà Mau. D. Sa Pa.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở ven biển?

- A. Cần Thơ. B. Rạch Giá. C. Biên Hòa. D. Long Xuyên.
- Câu 63:** Sản xuất lúa gạo ở nước ta hiện nay
A. hoàn toàn theo hình thức gia đình.
C. chỉ phục vụ nhu cầu ở trong nước.
- Câu 64:** Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay
A. hầu hết đi theo hướng đông-tây.
C. đã hội nhập các tuyến xuyên Á.
- Câu 65:** Đô thị nước ta hiện nay
A. có mật độ dân cư thưa thớt.
C. có nhiều lao động kỹ thuật.
- Câu 66:** Nước ta nằm ở
A. rìa phía đông Thái Bình Dương.
C. phía nam khu vực Đông Nam Á.
- Câu 67:** Thuận lợi chủ yếu của nước ta về tự nhiên để phát triển nuôi trồng hải sản là
A. nhiều đầm phá, ô trũng ở đồng bằng.
C. nhiều cửa sông rộng và ở gần nhau.
- Câu 68:** Các đảo ven bờ nước ta
A. tập trung phát triển khai khoáng.
C. có khả năng nuôi trồng thủy sản.
- Câu 69:** Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng
A. ưu tiên đầu tư cho các vùng núi cao.
C. chỉ tập trung tiêu dùng ở trong nước.
- Câu 70:** Lao động nước ta hiện nay
A. làm nhiều nghề, số lượng nhỏ.
C. tập trung chủ yếu ở thành thị.
- Câu 71:** Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015-2019

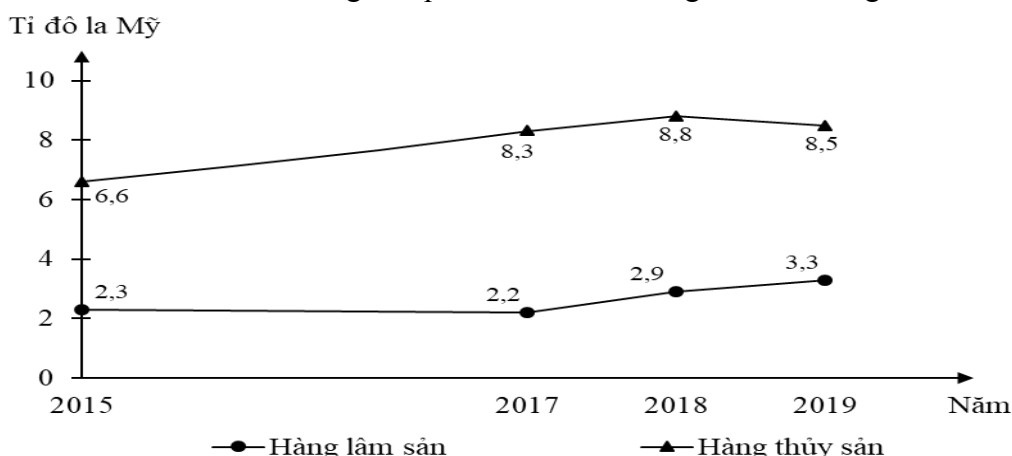
Năm	2015	2017	2018	2019
Dầu thô	83,4	476,5	2 746,8	3 777,9
Hóa chất	3 133,6	4 122,9	5 164,7	5 128,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 -2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Đường. C. Miền. D. Cột.
- Câu 72:** Các nhân tố tự nhiên chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu cây trồng hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. lũ thất thường, bờ sông sạt lở, ít phù sa bồi đắp.
B. sạt lở bờ biển, nước biển dâng, bề mặt sụt lún.
C. xâm nhập mặn rộng, hạn hán, thiếu nước ngọt.
D. đất phèn rộng, mùa khô rõ rệt, hạn mặn nhiều.
- Câu 73:** Cho biểu đồ về xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta giai đoạn 2015-2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu trị giá xuất khẩu.
C. Tốc độ tăng trị giá xuất khẩu.

- B. Quy mô trị giá xuất khẩu.
D. Chuyển dịch cơ cấu trị giá xuất khẩu.

Câu 74: Du lịch nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

- A. hoàn thiện hạ tầng, mở rộng nhiều thị trường.
B. mức sống nâng cao, nhiều dịch vụ thuận tiện.
C. hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.
D. đổi mới chính sách, khai thác tốt tài nguyên.

Câu 75: Phát triển tổng hợp kinh tế bền ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. sử dụng đa dạng nguồn lợi, tăng thu nhập, bảo vệ môi trường.
B. đổi mới phân bổ sản xuất, khai thác hợp lý biển, tạo việc làm.
C. thay đổi cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế, phát triển ven biển.
D. tăng trưởng kinh tế, phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống.

Câu 76: Các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển do tác động chủ yếu của

- A. tài nguyên đa dạng, giao thông mở rộng.
B. nguồn lao động đông, thị trường khá lớn.
C. đổi mới chính sách, thu hút nhiều đầu tư.
D. cơ sở hạ tầng nâng cấp, vị trí khá tiện lợi.

Câu 77: Biện pháp chủ yếu phát triển dịch vụ ở Đồng bằng Sông Hồng là

- A. mở rộng liên kết các nước, đa dạng sản xuất.
B. tăng sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh đô thị hóa.
C. đào tạo lao động, sử dụng hiệu quả thế mạnh.
D. mở rộng các ngành, tăng cường hiện đại hóa.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đẩy mạnh nuôi trồng, tìm các ngư trường mới.
B. tăng cường khai thác ven bờ, nuôi tôm trên cát, thúc đẩy liên kết sản xuất.
C. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, mở rộng nuôi trồng, gắn sản xuất với chế biến.
D. mở rộng ngư trường đánh bắt, thúc đẩy nuôi tôm, hiện đại hóa tàu thuyền.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu để tăng diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

- A. Khai thác hợp lý, phòng chống cháy rừng.
B. ngăn chặn nạn phá rừng, đốt cây làm rẫy.
C. giao đất, giao rừng cho dân, bảo vệ rừng.
D. đẩy mạnh khoanh nuôi, trồng rừng mới.

Câu 80: Vùng đồi núi thấp nước ta có nhiều feralit chủ yếu do

- A. có hai mùa mưa và khô, nhiệt ẩm cao, nhiều đá khác nhau.
B. diện tích rộng lớn, nhiệt độ trung bình năm cao, mưa nhiều.
C. nhiều cao nguyên, khí hậu nhiệt đới gió mùa, có đá mẹ axit.
D. có đá mẹ axit ở phạm vi rộng lớn, nhiệt ẩm cao, mưa nhiều.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.

- Không được sử dụng tài liệu, không trao đổi khi làm bài.

ĐÁP ÁN

41. B	42. D	43. D	44. C	45. A	46. A	47. D	48. B	49. D	50. A
51. B	52. B	53. D	54. C	55. C	56. B	57. B	58. A	59. D	60. D
61. C	62. B	63. B	64. C	65. C	66. D	67. B	68. C	69. B	70. D
71. B	72. C	73. B	74. D	75. A	76. C	77. B	78. C	79. B	80. D